

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000328

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **28**

Số bài thi: **28**

Số tờ giấy thi: **28**

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
N.T. Bảo Ngọc	N.T. Bảo Ngọc	Hồ Xuân Nam	L.R. Chuyền

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050002	ĐINH THÀNH DANH	14/09/2002	CCQ2005A			Danh	5.5	3.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050036	THÁI XUÂN DÂN	16/12/2002	CCQ2005B			Dân	5.2	4.0	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050004	HỒ HOÀNG ĐẶNG	13/12/2002	CCQ2005A			Đặng	5.8	4.5	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050005	BÙI TRỌNG HIỂN	02/06/2002	CCQ2005A			Hiển	5.5	3.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050038	DƯƠNG THÀNH ĐẠT	25/03/2002	CCQ2005B			Đạt	5.5	4.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050039	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	15/10/2002	CCQ2005B			Đạt	5.0	4.0	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050006	VÕ THANH HOÀNG	24/08/2002	CCQ2005A			Hoàng	6.3	3.5	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050040	NGUYỄN ANH ĐƯỢC	22/12/2002	CCQ2005B			Được	6.0	4.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050007	TRẦN MẬU HÒA	01/09/2002	CCQ2005A			Hòa	5.0	1.5	2.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050010	TRẦN TUẤN KHẢI	03/02/2002	CCQ2005A			Khải	6.5	4.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050041	NGUYỄN ĐÌNH HOÀNG	05/02/2002	CCQ2005B			Hoàng	5.5	4.0	4.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050009	NGUYỄN PHI HÙNG	24/06/2002	CCQ2005A			Hùng	7.3	8.0	7.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050044	NGUYỄN MẠNH HÙNG	10/02/2002	CCQ2005B			Hùng	5.2	2.5	3.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050042	LÊ TRẦN QUANG HUY	05/11/2002	CCQ2005B			Huy	5.9	4.0	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050011	ĐỖ TẤN LÂM	11/09/2002	CCQ2005A			Lâm	5.6	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050012	HỒ NHỰT NAM	17/12/2002	CCQ2005A			Nam	5.4	4.5	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050013	NGUYỄN VŨ NGUYỄN	08/03/2002	CCQ2005A			Nguyễn	6.2	4.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050014	NGUYỄN DUY NHẤT	05/12/2002	CCQ2005A			Nhất	6.0	4.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050130	ĐÀO TRẦN NGỌC LÂM	20/11/2001	CCQ2005B				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050047	HUỖNH PHÚ LÂM	01/03/2002	CCQ2005B			Lâm	5.0	2.5	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000328

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A201**

Số SV có mặt: **28**...

Số bài thi: **28**...

Số tờ giấy thi: **28**...

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>	<i>[Signature]</i>
<i>N.T. Dũng</i>	<i>H.T. Bảo Nghi</i>	<i>Hồ Học Nam</i>	<i>L. Q. Chung</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050048	LÊ VĂN LỢI	01/07/2002	CCQ2005B			<i>Lợi</i>	6.5	5.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050016	TRẦN DUY PHONG	16/04/2002	CCQ2005A			<i>Phong</i>	6.9	6.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050049	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	09/09/2002	CCQ2005B			<i>Nguyễn</i>	6.4	6.5	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050050	BÙI VŨ BÁCH	20/02/2002	CCQ2005B			<i>Bui</i>	5.6	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050051	ĐINH VĂN NHÂN	26/06/2002	CCQ2005B			<i>Nhan</i>	4.5	4.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050052	SƠN NHI	22/11/2002	CCQ2005B			<i>Son</i>	5.0	4.5	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050053	NGUYỄN XUÂN PHÚ	06/09/2001	CCQ2005B			<i>Phu</i>	5.6	3.0	4.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050054	TRƯƠNG BÌNH PHƯỚC	18/05/2001	CCQ2005B			<i>Phuoc</i>	5.2	5.0	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	2120050018	NGUYỄN HỒNG PHÚC	10/01/2002	CCQ2005A			<i>Phu</i>	6.4	6.0	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000329

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **002**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A301**

Số SV có mặt: **23**

Số bài thi: **23**

Số tờ giấy thi: **23**

Cán bộ coi thi 1 <i>Le Thi Han</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Ng Thi Tho</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Ho' Hoa Nam</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>L. Q. Thuyen</i>
---------------------------------------	---------------------------------------	---	--

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120050056	TRẦN BÁ QUỐC	26/09/2002	CCQ2005B		1	<i>ac</i>	5.9	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050058	VŨ ĐỨC TÀI	15/10/2001	CCQ2005B		1	<i>Tai</i>	5.3	5.0	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050019	TRƯƠNG CHÍ THANH	13/08/2001	CCQ2005A				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050059	BÁ HOÀNG TÂN	29/09/2001	CCQ2005B		1	<i>h</i>	5.6	5.5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050020	TRẦN NGỌC QUÝ	08/06/2002	CCQ2005A		1	<i>Quy</i>	6.3	4.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050021	PHẠM SÁNG	28/02/1998	CCQ2005A				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050060	HUỲNH HỮU THÁI	02/06/2002	CCQ2005B		1	<i>Thur</i>	5.2	6.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050023	HÀ THANH SƠN	10/08/2002	CCQ2005A		1	<i>Son</i>	6.6	5.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050061	NGUYỄN MINH TI	25/07/2001	CCQ2005B		1	<i>TI</i>	5.3	5.5	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050024	PHẠM NGUYỄN TIẾN SỸ	07/10/2002	CCQ2005A		1	<i>Sy</i>	5.0	5.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050128	NGUYỄN HOÀNG TIẾN	11/04/2000	CCQ2005A		1	<i>h</i>	5.8	5.0	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050025	VŨ TẤN TÀI	23/12/2002	CCQ2005A		1	<i>Tai</i>	6.1	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050026	BÙI VĂN TÀI	05/01/2001	CCQ2005A		1	<i>Tai</i>	5.3	3.0	3.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050062	PHAN TRỌNG TÍNH	22/05/2002	CCQ2005B		1	<i>Tinh</i>	5.2	5.0	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050063	TÔ VĂN TÍNH	27/06/2002	CCQ2005B		1	<i>Tinh</i>	6.1	4.0	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050027	BÙI VĂN DUY TÂN	08/12/2002	CCQ2005A		1	<i>Duy</i>	6.7	6.5	6.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050029	NGUYỄN THIÊN THÀNH	26/07/2000	CCQ2005A		1	<i>h</i>	7.3	5.0	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120050028	NGUYỄN THẾ TÂN	24/09/2001	CCQ2005A		1	<i>T</i>	6.9	6.0	6.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050065	HUỲNH MINH TRÍ	08/12/2002	CCQ2005B				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050030	LÊ VĂN THỊNH	15/06/2000	CCQ2005A		1	<i>Thinh</i>	7.1	7.5	7.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 01**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **002**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A301**

Mã nhận dạng: 000329

Trang : 2/2

Số SV có mặt:

Số bài thi:

Số tờ giấy thi:

Cán bộ coi thi 1 	Cán bộ coi thi 2 	G.Viên chấm thi 1 	G.Viên chấm thi 2
----------------------	----------------------	-----------------------	-----------------------

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050031	TRẦN DIỆP THUẬN	17/02/2002	CCQ2005A				✓			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050067	TRẦN MINH TÚ	10/08/2002	CCQ2005B		1		4.5	6.0	5.4	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050032	LÊ THANH TUẤN	03/07/2002	CCQ2005A		1		6.6	7.5	7.1	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050066	NGUYỄN NGỌC THANH TÙNG	17/03/2002	CCQ2005B		1		6.8	6.5	6.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050068	THIÊN NGỌC VÂN	02/12/2002	CCQ2005B				✓			● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050069	NGUYỄN CHÍ VIỄN	01/11/2002	CCQ2005B		1		5.5	4.0	4.6	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050033	NGUYỄN LÊ HOÀI VŨ	06/07/2002	CCQ2005A		1		6.4	5.0	5.5	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	2120050034	CAO VĂN TUẤN VŨ	16/12/2001	CCQ2005A		1		6.8	5.5	6.0	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000330

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt: **22**

Số bài thi: **22**

Số tờ giấy thi: **22**

Cán bộ coi thi 1 <i>[Signature]</i> Nguyễn Hoàng	Cán bộ coi thi 2 <i>[Signature]</i> Phan Thị Ngọc Thảo	G.Viên chấm thi 1 <i>[Signature]</i> Hồ Hoàng Nam	G.Viên chấm thi 2 <i>[Signature]</i> L. Q. Chuyền
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120060056	NGUYỄN TRỌNG AN	20/12/2002	CCQ2006B			<i>[Signature]</i>	6.2	6.0	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120200002	ĐOÀN HỮU BẢNG	30/10/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	6.6	5.0	5.6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050107	ĐÀO VĂN CÔNG	22/04/2001	CCQ2005D				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050106	NGUYỄN LÊ THÀNH THÔNG	06/04/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	5.3	5.0	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120050098	TRẦN QUỐC CƯỜNG	05/03/2002	CCQ2005C				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050099	MAI HỒNG DÀNG	05/11/2002	CCQ2005C			<i>[Signature]</i>	5.0	4.5	4.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120050108	NGUYỄN TRÚC DUY	05/07/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	7.3	3.5	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050071	LÊ VIỆT ĐẶNG	17/01/2002	CCQ2005C			<i>[Signature]</i>	5.5	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050100	ĐOÀN ĐỨC HẢO	08/06/2002	CCQ2005C			<i>[Signature]</i>	5.0	3.0	3.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050110	PHẠM CÔNG HẬU	30/08/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	5.0	5.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050136	NGÔ NGUYỄN HOÀNG HIỆP	28/01/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	6.6	4.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120050112	NGUYỄN THANH HOÀNG	03/12/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	6.9	4.5	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120060008	PHAN MẠNH HOÀNG	11/11/2001	CCQ2006A			<i>[Signature]</i>	4.5	2.0	3.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2120050137	NGUYỄN HOÀNG HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	6.2	4.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050113	TẠ NGỌC HUY	10/07/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	6.3	4.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120050075	LÊ VĂN HUỖNH	25/01/2002	CCQ2005C			<i>[Signature]</i>	7.0	5.0	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050117	NGUYỄN TUẤN ANH	19/09/2001	CCQ2005D				3.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120170330	NGUYỄN VĂN KHOA	05/11/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	5.0	6.5	5.9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120170404	TRẦN DUY KHOAN	18/11/2002	CCQ2005D			<i>[Signature]</i>	6.9	4.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050076	LÊ TIỀN KHÔI	13/08/2002	CCQ2005C			<i>[Signature]</i>	5.1	4.0	4.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000330

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **001**

Ngày thi: **25/08/2022**

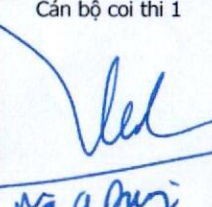
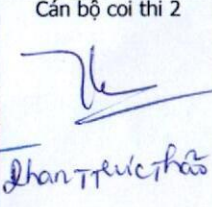
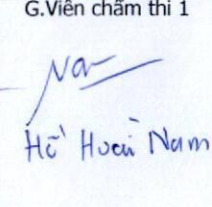
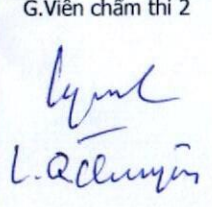
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A302**

Số SV có mặt: **22**.....

Số bài thi: **22**.....

Số tờ giấy thi: **22**.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
			
<i>Ng a Bui</i>	<i>Đan Truoc Hao</i>	<i>Hu' Huai Nam</i>	<i>L. Q. Chuyn</i>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120170538	NÃO VĂN KY	20/02/2002	CCQ2005D			<i>Ky</i>	6.8	5.0	5.7	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050101	NGUYỄN HỮU LUÂN	09/12/2002	CCQ2005C			<i>Luân</i>	5.9	6.0	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050102	NGUYỄN LUẬT	12/06/2002	CCQ2005C			<i>Luật</i>	5.8	2.0	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120050079	THIÊN SANH LỰC	16/02/2000	CCQ2005C			<i>Sao</i>	5.0	5.5	5.3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050078	PHÚ VĂN LƯƠNG	11/03/2001	CCQ2005C				4.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050080	PHẠM CÔNG LÝ	06/06/2002	CCQ2005C			<i>Ly</i>	5.0	5.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	2120050081	LƯƠNG TRÍ MINH	06/10/2000	CCQ2005C				4.5			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000331

Trang : 1/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **002**

Ngày thi: **25/08/2022**

Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<u>Hoàng Thị Minh</u>	<u>MT thay</u>	<u>Hoàng Xuân Nam</u>	<u>L.Q. Chuyền</u>

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2120240108	HỒ LÊ HOÀNG NAM	13/09/2002	CCQ2005D			<u>Nam</u>	5.9	4.5	5.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2120050119	NGUYỄN PHÚC NHÂN	09/06/2001	CCQ2005D			<u>Nhan</u>	5.5	5.0	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2120050084	LÊ VĂN NHẬT	01/01/2002	CCQ2005C				4.5			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2120050104	TRƯƠNG THANH PHƯƠNG	04/05/2002	CCQ2005C			<u>Ph</u>	7.3	6.0	6.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2120110125	HUỖNH VĂN SÁNG	18/09/2000	CCQ2005D				3.0			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2120050087	TRẦN NHẬT TÂM	21/05/2001	CCQ2005C			<u>Tam</u>	5.2	4.5	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2120110097	HUỖNH VĂN THÀ	26/05/2002	CCQ2005D			<u>Tha</u>	5.0	2.5	3.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2120050122	DANH THIÊN THANH	06/03/2002	CCQ2005D				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2120050088	NGUYỄN CÔNG THẠNH	06/11/2002	CCQ2005C			<u>Thanh</u>	6.3	6.0	6.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2120050123	NGUYỄN NGỌC THIÊN	31/07/2002	CCQ2005D			<u>Thien</u>	5.2	6.5	6.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2120050138	VI PHÚ THỊNH	30/11/2002	CCQ2005D			<u>Thinh</u>	6.8	8.5	7.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2120060052	NGUYỄN VĂN THÔNG	16/07/2001	CCQ2005C			<u>Tho</u>	4.5	5.0	4.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2120050091	NGUYỄN NHẬT TIẾN	24/02/2002	CCQ2005C			<u>Tien</u>	5.5	6.0	5.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2118060037	NGUYỄN TRƯỜNG SANH TOÀN	08/07/2000	CCQ1805C			<u>Toan</u>	6.2	5.0	5.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2120050092	TRẦN QUỐC TOÀN	23/06/2001	CCQ2005C			<u>Toan</u>	7.2	7.0	7.1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2120120515	NGUYỄN QUỐC TRUNG	30/08/2002	CCQ2005C				✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2120050124	LÊ VŨ TRƯỜNG	17/11/2002	CCQ2005D			<u>Truong</u>	5.2	5.5	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2120060031	ĐIỀU VĂN TRƯỜNG	25/09/2002	CCQ2006A			<u>Truong</u>	7.1	6.0	6.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2120050139	ĐỖ QUỐC TRƯỜNG	30/07/2002	CCQ2005D			<u>Truong</u>	5.0	3.0	3.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2120050105	NGUYỄN HOÀNG ANH TÚ	14/12/2002	CCQ2005C			<u>Tu</u>	✓			(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

* SV không có tên trong danh sách phải có xác nhận của P.QLĐT mới được dự thi

In : 10/08/2022

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 3 - Năm học 2021 - 2022

Mã nhận dạng: 000331

Trang : 2/2

Môn học: **Anh văn chuyên ngành (Điện) (228083) - Nhóm 02**

Đợt thi: **HK3 2021-2022**

Tổ: **002**

Ngày thi: **25/08/2022**

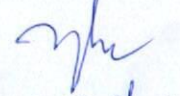
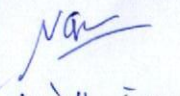
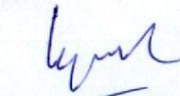
Giờ: **12:30**

Phòng thi: **A305**

Số SV có mặt: 22

Số bài thi: 22

Số tờ giấy thi: 22

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
 HỒ THẾ VINH	 V.T. Phóng	 HỒ HỌC NAM	 L.Q. CHUYỀN

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số tờ Mã đề	Chữ ký	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2120050095	PHAN NGỌC TÚ	12/03/2002	CCQ2005C			Tu	6.0	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2120050125	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	04/09/2002	CCQ2005D			Tuấn	4.5	4.5	4.5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2120050140	PHẠM VĂN VÀNG	27/04/2002	CCQ2005D			Vàng	6.1	5.0	5.4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2120170527	ĐÌNH QUANG VINH	10/01/2002	CCQ2005D			Vinh	6.3	4.5	5.2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	2120050126	PHAN THANH VINH	03/04/2002	CCQ2005D			Vinh	5.0	3.0	3.8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	2120050096	ĐẠT ĐẠI HOÀNG VŨ	17/07/2002	CCQ2005C			Vũ	5.0	5.0	5.0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9